

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2025

**BÁO CÁO THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ SỐ LIỆU
THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐẾN HẾT QUÝ I
NĂM 2025 CỦA VĂN PHÒNG CỤC TRỒNG TRỌT VÀ
BẢO VỆ THỰC VẬT**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC;

Văn phòng Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán và số liệu thực hiện dự toán NSNN đến hết quý I năm 2025 như sau:

I. Công khai số liệu thực hiện dự toán chi Ngân sách nhà nước đến hết quý I năm 2025.

1. Nội dung công khai: Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý I năm 2025 đã được phê duyệt của Văn phòng Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (theo mẫu số 03 ban hành theo Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính).

2. Hình thức công khai

- Đối với Văn phòng Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật công khai trên cổng thông tin điện tử Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật <https://www.ppd.gov.vn/>, đồng thời niêm yết tại trụ sở làm việc.

3. Thời điểm công khai: Ngày 15/04/2025

II. Thuyết minh tình hình thực hiện Dự toán ngân sách nhà nước quý I năm 2025

1. Thực hiện nhiệm vụ thu NSNN đến hết quý I năm 2025 của Văn phòng Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật:



Tổng thu NSNN (thu phí) thực hiện đến hết quý 1 năm 2025: 6.255,9 triệu đồng đạt 44,21% so với dự toán giao năm 2025 bằng 221,78% so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể tình hình thực hiện thu của các loại phí như sau:

+ Phí thẩm định cấp giấy phép, GCN thuộc BVTV: 5.719,9 triệu đồng đạt 62,71% so với dự toán bằng 245,1% so với cùng kỳ năm trước.

+ Phí thẩm định phục vụ cấp giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch: 48 triệu đồng đạt 33,33% dự toán bằng 80% so với cùng kỳ năm trước.

+Phí Bảo hộ giống cây trồng: 488 triệu đồng đạt 12,2% dự toán bằng 128,42% cùng kỳ năm trước.

2. Chi từ nguồn thu phí được để lại, nguồn sự nghiệp được để lại đến hết quý I năm 2025:

Tổng chi từ nguồn thu phí được để lại, nguồn sự nghiệp được để lại: 225,6 triệu đồng đạt 3,21% dự toán giao bằng 8,76% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:

+ Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ: 225,6 triệu đồng đạt 3,21% dự toán bằng 8,76% so với cùng kỳ năm trước.

3. Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước đến hết quý 1 năm 2025:

Tổng số phí nộp ngân sách nhà nước: 1.789,9 triệu đồng đạt 26,14% so với dự toán bằng 222,67% so với cùng kỳ năm trước.

4. Tình hình thực hiện dự toán chi Ngân sách nhà nước:

* Nguồn chi quản lý hành chính:

- Kinh phí được cấp: 35.240 triệu đồng

-Kinh phí thực hiện đến hết quý I năm 2025: 3.707 triệu đồng đạt 10,52% so với dự toán.

* Nguồn chi sự nghiệp khoa học và công nghệ:

- Kinh phí được cấp trong năm 2025:1.190 triệu đồng.

* Nguồn chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình:

- Kinh phí được cấp trong năm 2025:730 triệu đồng.

* Nguồn kinh phí đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ:

- Kinh phí được cấp trong năm 2025: 25 triệu đồng.

Các nhiệm vụ này trong quý I năm 2025 đang lên kế hoạch thực hiện.

* Nguồn chi hoạt động kinh tế:

- Kinh phí được cấp trong năm 2025: 10.575,15 triệu đồng.

- Kinh phí thực hiện đến hết quý I năm 2025: 406,1 triệu đồng đạt 3,84% so với dự toán.

(Chi tiết theo biểu số 3-Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính kèm theo).

Trên đây là báo cáo tình hình công khai và thuyết minh số thực hiện dự toán ngân sách nhà nước đến hết quý I năm 2025 của Văn phòng Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật./.

Nơi nhận:

- Đăng tải trên trang TTĐT;
- Lưu VT, TC.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Nghiêm Quang Tuấn



Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2025

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Văn phòng Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý I năm 2025 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện quý I/năm 2025	Ước thực hiện quý I/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý I năm 2025 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	24.568	6.481,50	26,38%	277,63%
I	Số thu phí, lệ phí	14.150	6.255,90	44,21%	221,78%
1	Lệ phí				
2	Phí	14.150	6.255,90	44,21%	221,78%
	Phí kiểm dịch thực vật				
	Phí giám sát khử trùng				
	Phí thẩm định cấp giấy phép, GCN thuốc BVTV	9.121	5.719,90	62,71%	245,01%
	Phí thẩm định phục vụ cấp giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch	144	48,00	33,33%	80,00%
	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận hợp quy sp, chi định phòng thử nghiệm lần đầu & thay đổi, bổ sung thuốc BVTV	100			
	Phí chi định tổ chức thử nghiệm phân bón (bao gồm lần đầu, thay đổi, bổ sung), tổ chức chứng nhận thử nghiệm phân bón	110			
	Phí cấp mới, cấp lại, GCNSXPB	525			
	Phí xét tuyển viên chức				
	Phí Bảo hộ giống cây trồng	4.000	488,00	12,20%	128,42%
	Phí công nhận, chi định, đánh giá phòng thử nghiệm, tổ chức chứng nhận	150			
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại, nguồn sự nghiệp được để lại	10.418	225,60	2,17%	8,54%
I	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện quý I/năm 2025	Ước thực hiện quý I/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý I năm 2025 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính	10.418	225,60	2,17%	9,66%
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	7.034	225,60	3,21%	8,76%
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	3.384			
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	6.848	1.789,87	26,14%	222,67%
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
2	Phí	6.848	1.789,87	26,14%	222,67%
	Phí kiểm dịch thực vật				
	Phí giám sát khử trùng				
	Phí thẩm định cấp giấy phép, GCN thuộc BVTV	5.440	1.715,67	31,54%	244,96%
	Phí thẩm định phục vụ cấp giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch	95	14,40	15,16%	80,00%
	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận hợp quy sp, chỉ định phòng thử nghiệm lần đầu & thay đổi, bổ sung thuộc BVTV	70			
	Phí chỉ định tổ chức thử nghiệm phân bón (bao gồm lần đầu, thay đổi, bổ sung), tổ chức chứng nhận thử nghiệm phân bón	85			
	Phí cấp mới, cấp lại, GCNSXPB	328			
	Phí xét tuyển viên chức				
	Phí Bảo hộ giống cây trồng	800	59,80	7,48%	79,10%
	Phí công nhận, chỉ định, đánh giá phòng thử nghiệm, tổ chức chứng nhận	30			
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	47.735,15	4.113,10	8,62%	0,00%
I	Nguồn ngân sách trong nước	47.735,15	4.113,10	8,62%	0,00%
1	Chi quản lý hành chính	35.240	3.707,00	10,52%	0,00%
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	33.376	3.707,00	11,11%	0,00%
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.864			
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ (100-101)	1.190			
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.190			
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình (130-134)	730			
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0			

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện quý I/năm 2025	Ước thực hiện quý I/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý I năm 2025 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	730			
4	Chi hoạt động kinh tế (280-281)	10.575,15	406,10	3,84%	0,00%
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	10.575,15	406,10	3,84%	0,00%
5	Chi đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ (070-085)	25			
5.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	25			
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi hoạt động kinh tế				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				

Ngày 15 tháng 4 năm 2025

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Nghiêm Quang Tuấn

